

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước
Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ
ngày 1 tháng 5 năm 2008 (ngày cổ phần hóa)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn
Thông tin về Tổng Công ty

Quyết định thành lập số	74/2003/QĐ-BCN 37/2004/QĐ-BCN	ngày 6 tháng 5 năm 2003 ngày 11 tháng 5 năm 2004
Quyết định cổ phần hóa số	1862/QĐ-TTg	ngày 28 tháng 12 năm 2007
Giấy đăng ký kinh doanh số	4106000286 4103010027	ngày 1 tháng 9 năm 2006 ngày 17 tháng 4 năm 2008

Quyết định thành lập do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ban hành.

Quyết định cổ phần hóa được Thủ Tướng ban hành.

Giấy đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Bá Thi Ông Bùi Ngọc Hạnh Ông Ian McNeilage Ông Lý Quốc Hùng Ông Nguyễn Quang Minh	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
--------------------------	--	--

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Quang Minh Bà Phạm Thị Hồng Hạnh Bà Nguyễn Thị Diệu Hồng Ông Lê Hồng Xanh Ông Trần Công Tước Ông Trần Đức Hòa Bà Trịnh Thị Tuyết Minh Ông Trần Nghĩa	Tổng Giám đốc Giám đốc Giám đốc Giám đốc Giám đốc Giám đốc Giám đốc Giám đốc
---------------------	--	---

Trụ sở đăng ký	6 Hai Bà Trưng Phường Bến Nghé Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
-----------------------	--

Đơn vị kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
-------------------------	-------------------------------

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các cổ đông

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất liên quan cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban lãnh đạo Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Ngoại trừ những hạn chế được nêu trong phần loại trừ dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban lãnh đạo, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quan của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Loại trừ

- 1 Chúng tôi không thực hiện kiểm toán cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 4 năm 2008, và chúng tôi không thể thu thập bằng chứng kiểm toán về các khoản phải nộp cho Nhà nước và kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 4 năm 2008 bằng các thủ tục kiểm toán khác. Do kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty Nhà nước cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 4 năm 2008 và các khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 30 tháng 4 năm 2008 ảnh hưởng trực tiếp đến việc xác định kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 và các khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, chúng tôi không thể xác định có cần điều chỉnh khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn 8 tháng kết thúc tại ngày này hay không.
- 2 Các báo cáo tài chính của tất cả các công ty con cho giai đoạn bốn tháng kết thúc ngày 30 tháng 4 năm 2008 đều không được kiểm toán và chúng tôi cũng không thể thu thập bằng chứng kiểm toán về kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con cho giai đoạn bốn tháng kết thúc ngày 30 tháng 4 năm 2008 bằng các thủ tục kiểm toán khác. Do kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con giai đoạn bốn tháng kết thúc ngày 30 tháng 4 năm 2008 ảnh hưởng trực tiếp đến việc xác định kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn tám tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, chúng tôi không thể xác định có cần điều chỉnh kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tám tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 hay không.

- 3 Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 12 trong báo cáo tài chính hợp nhất. Dự phòng giảm giá đã không được lập trong các báo cáo tài chính hợp nhất này cho một số khoản đầu tư dài hạn, mà theo ý kiến của chúng tôi, không phù hợp với các yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam. Giá trị dự phòng giảm giá cần phải lập thêm cho các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 xấp xỉ 49.061 triệu VNĐ, và theo đó, giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư dài hạn và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và lợi nhuận thuần trong giai đoạn kết thúc cùng ngày cần phải giảm bằng khoản tương tự.
- 4 Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 5 trong báo cáo tài chính hợp nhất. Không có khoản dự phòng nợ phải thu nào đã được lập trong báo cáo tài chính hợp nhất cho khoản phải thu của Công ty, mà theo ý kiến của chúng tôi, không phù hợp với các yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam. Dự phòng các khoản phải thu cần phải lập thêm tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 xấp xỉ 23.217 triệu VNĐ, và theo đó, giá trị sổ sách của các khoản phải thu và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và lợi nhuận thuần trong giai đoạn tám tháng kết thúc cùng ngày cần phải giảm bằng khoản tương tự.
- 5 Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 7 trong báo cáo tài chính hợp nhất. Không có khoản dự phòng hàng tồn kho nào đã được lập trong báo cáo tài chính hợp nhất cho hàng tồn kho của Công ty, mà theo ý kiến của chúng tôi, không phù hợp với các yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam. Dự phòng hàng tồn kho cần phải lập thêm tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 xấp xỉ 36.462 triệu VNĐ, và theo đó, giá trị sổ sách của hàng tồn kho và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và lợi nhuận thuần trong giai đoạn kết thúc cùng ngày cần phải giảm bằng khoản tương tự.
- 6 Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 23 trong báo cáo tài chính hợp nhất. Mặc dù dự phòng trợ cấp thôi việc đã được lập trong báo cáo tài chính hợp nhất, theo ý kiến của chúng tôi, cần phải lập thêm tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 khoảng 16.420 triệu VNĐ nữa, và theo đó, giá trị còn lại của dự phòng trợ cấp thôi việc và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và lợi nhuận thuần trong giai đoạn kết thúc cùng ngày cần phải giảm bằng khoản tương tự.
- 7 Các báo cáo tài chính hợp nhất không bao gồm báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Việc trình bày báo cáo lưu chuyển tiền tệ cần được thực hiện theo yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận tại Việt Nam.
- 8 Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh 9, 10, 11, 12, 13, 14, 23, 32, và 35 của các báo cáo tài chính hợp nhất. Các thuyết minh này không trình bày đầy đủ các thông tin liên quan đến các biến động trong tám tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đối với tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, xây dựng cơ bản dở dang, đầu tư vào các công ty liên kết, chi phí trả trước dài hạn, tài sản thuế hoãn lại, dự phòng trợ cấp thôi việc, thuế thu nhập, và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan. Theo ý kiến của chúng tôi, việc trình bày các thông tin này là cần thiết theo yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận tại Việt Nam.

- 9 Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh 2(n) và Thuyết minh 15. Lợi thế thương mại phát sinh từ nhận giá trị đầu tư vào các công ty con được xác định dựa trên giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả của các công ty con tại ngày 30 tháng 4 năm 2008. Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 – *Hợp nhất kinh doanh* yêu cầu lợi thế thương mại phải được xác định dựa trên giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả của bên được hợp nhất, chứ không phải theo giá trị ghi sổ. Như vậy, cách xác định lợi thế thương mại của Tập đoàn không phù hợp với yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.
- 10 Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – *Hợp nhất kinh doanh*, lợi thế thương mại âm phát sinh trên khoản đầu tư vào công ty TNHH Một thành viên SA BE CO 91.534 triệu VNĐ, ứng với phần vượt trội của tài sản thuần theo sổ sách của công ty này so với giá trị đầu tư của Công ty trong công ty này tại thời điểm 30 tháng 4 năm 2008, phải được ghi nhận là thu nhập trong kỳ. Khoản lợi thế thương mại âm này, tuy nhiên, lại được ghi tăng vào khoản Phải trả Nhà nước về cổ phần hóa (xem thuyết minh 20). Do đó, lợi nhuận thuần hợp nhất trong kỳ và số dư lợi nhuận giữ lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cần tăng thêm 91.534 triệu VNĐ, và số Phải trả Nhà nước về cổ phần hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cần giảm đi 91.534 triệu VNĐ.

Ý kiến kiểm toán loại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của các điều chỉnh, nếu có, mà chúng tôi đã có thể xác định được nếu chúng tôi đã có thể thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến những vấn đề được nêu trong đoạn loại trừ 1, 2, và 9, ngoại trừ những ảnh hưởng trong báo cáo tài chính của các vấn đề nêu trong đoạn loại trừ 3, 4, 5, 6 và 10, và ngoại trừ các vấn đề liên quan đến việc trình bày và thuyết minh không đầy đủ như được nêu trong đoạn loại trừ 7 và 8, các báo cáo tài chính hợp nhất này đã phản ánh hợp lý, trên tất cả các phương diện trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận rộng rãi tại Việt Nam.

Các vấn đề lưu ý

Mặc dù không đưa ra thêm ý kiến loại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 1. Tổng Công ty Nhà nước trở thành Tổng Công ty Cổ phần vào ngày 17 tháng 4 năm 2008 và theo hướng dẫn trong thông tư số 106/2008/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài Chính, công ty cổ phần phải “mở sổ kế toán mới để phản ánh giá trị tài sản và nguồn vốn nhận bàn giao”. Tổng Công ty Cổ phần đã lập bộ báo cáo tài chính hợp nhất đầu tiên này với tư cách một công ty cổ phần mới thành lập trên cơ sở (a) các khoản đầu tư vào các công ty con được bàn giao từ Tổng Công ty Nhà nước tại ngày cổ phần hóa (b) không có số liệu so sánh (c) số liệu bảng cân đối kế toán hợp nhất đầu kỳ bằng không và (d) báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là cho giai đoạn 8 tháng từ ngày 1 tháng 5 năm 2008 (ngày cổ phần hóa được chọn cho thuận tiện) đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Mặc dù không đưa ra thêm ý kiến loại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 12. Tập đoàn mua cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông và Ngân hàng Đông Á với tư cách là nhà đầu tư chiến lược, do đó Tập đoàn không được tự do chuyển nhượng các cổ phiếu này trước ngày 31 tháng 12 năm 2009. Tập đoàn cũng mua đơn vị quỹ của Quỹ thành viên Vietcombank 3 và Quỹ Đầu tư Việt Nam mà theo điều lệ của các quỹ này thì Tập đoàn chỉ được phép chuyển nhượng các đơn vị quỹ khi được sự chấp thuận của công ty quản lý quỹ. Tập đoàn không lập khoản dự phòng nào cho các cổ phiếu và các đơn vị quỹ này dựa trên hướng dẫn trong Thông tư 13/2006/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 2 năm 2006 rằng “những chứng khoán không được phép mua bán tự do trên thị trường thì không được lập dự phòng giảm giá”. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, giá thị trường ước tính của các cổ phiếu và đơn vị quỹ này thấp hơn giá gốc 285.169 triệu VNĐ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 08-01-497

John T. Ditty

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0555/KTV

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, 26 tháng 6 năm 2009

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ
TÀI SẢN			
Tài sản ngắn hạn	100		4.681.117.234.844
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	1.787.333.051.162
Đầu tư ngắn hạn	120	4	508.870.147.067
Các khoản phải thu	130	5	1.161.920.670.517
Phải thu thương mại	131		380.229.744.786
Trả trước cho người bán	132	6	578.872.613.382
Phải thu khác	135		204.796.653.101
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	139		(1.978.340.752)
Hàng tồn kho	140	7	980.529.175.266
Hàng tồn kho	141		981.682.806.278
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.153.631.012)
Tài sản ngắn hạn khác	150		242.464.190.832
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.155.127.436
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		44.102.515.550
Thuế thu nhập nộp trước cho Ngân sách Nhà nước	152		101.319.167.546
Tài sản ngắn hạn khác	158	8	89.887.380.300
Tài sản dài hạn	200		8.346.226.331.016
Tài sản cố định	220		4.918.416.889.443
Tài sản cố định hữu hình	221	9	2.741.348.532.073
<i>Nguyên giá</i>	222		3.867.373.021.354
<i>Khấu hao lũy kế</i>	223		(1.126.024.489.281)
Tài sản cố định vô hình	230	10	2.047.850.901.571
<i>Nguyên giá</i>	231		2.074.377.123.300
<i>Phân bổ lũy kế</i>	232		(26.526.221.729)
Xây dựng cơ bản dở dang	240	11	129.217.455.799
Bất động sản đầu tư	240		27.593.664.903
<i>Nguyên giá</i>	241		28.807.542.299
<i>Khấu hao lũy kế</i>	242		(1.213.877.396)
Đầu tư dài hạn	250	12	2.275.672.434.379
Đầu tư vào công ty liên kết	252		1.056.266.725.774
Đầu tư dài hạn khác	258		1.275.375.990.472
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(55.970.281.867)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

	Mã	Thuyết	2008
	số	minh	VNĐ
Tài sản dài hạn khác	260		1.124.543.342.291
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	947.740.931.293
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	16.525.812.849
Tài sản dài hạn khác	268		3.824.952.567
Lợi thế thương mại	269	15	156.451.645.582
			<hr/>
TỔNG TÀI SẢN	270		13.027.343.565.860
			<hr/>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ
NGUỒN VỐN			
NỢ PHẢI TRẢ	300		5.343.286.126.823
Nợ ngắn hạn	310		4.925.411.039.984
Vay và nợ ngắn hạn	312	16	106.486.292.266
Phải trả thương mại	312	17	570.795.766.886
Người mua trả tiền trước	313		18.016.992.545
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	18	565.569.385.157
Phải trả công nhân viên	315		65.616.157.987
Chi phí phải trả	316	19	366.515.123.559
Các khoản phải trả khác	318	20	3.232.411.321.584
Nợ dài hạn	330		417.875.086.839
Phải trả dài hạn khác	333	21	94.084.792.493
Vay và nợ dài hạn	334	22	322.590.432.939
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	23	1.170.091.954
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	336		29.769.453
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.707.652.274.508
Vốn cổ phần	411	24	6.412.811.860.000
Cổ phiếu quỹ	414		(33.204.392.456)
Chênh lệch tỷ giá	416		2.174.670.549
Quỹ đầu tư và phát triển	417		18.351.395.595
Quỹ dự phòng tài chính	418		44.817.872.266
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		212.508.699
Lợi nhuận chưa phân phối	420		220.242.828.668
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	429		42.245.531.187
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	25	976.405.164.529
TỔNG NGUỒN VỐN	440		13.027.343.565.860

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Tiến Dũng
Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Thi
Chủ tịch HĐQT

26 tháng 6 năm 2009

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5
đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Mã	Thuyết	Giai đoạn từ
	số	minh	1/5/08 đến
			31/12/08
			VNĐ
Tổng doanh thu	01	26	9.065.490.623.812
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(1.900.414.886.640)
			<hr/>
Doanh thu thuần	10		7.165.075.737.172
Giá vốn hàng bán	11	27	(5.832.554.917.945)
			<hr/>
Lợi nhuận gộp	20		1.332.520.819.227
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	276.034.461.666
Chi phí tài chính	22	29	(114.282.212.394)
Chi phí bán hàng	24		(466.516.418.453)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(109.204.159.402)
			<hr/>
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		918.552.490.644
Kết quả của các hoạt động khác	40		
Thu nhập khác	31	30	116.603.473.319
Chi phí khác	32	31	(87.479.358.236)
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	40		70.863.248.412
			<hr/>
Lợi nhuận trước thuế	50		1.018.539.854.139
			<hr/>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5
đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/5/08 đến 31/12/08 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	50		1.018.539.854.139
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	(174.169.476.861)
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	32	14.823.334.358
Lợi nhuận thuần	60		859.193.711.636
Phân bổ cho:			
Cổ đông thiểu số	61	25	103.621.589.733
Chủ sở hữu của Tổng Công ty	62		755.572.121.903
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.178

Người lập:

Nguyễn Tiến Dũng
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Bá Thi
Chủ tịch HĐQT



26 tháng 6 năm 2009

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Quỹ khen thưởng và phúc lợi VND	Tổng VND
Vốn Nhà nước được cổ phần hóa	6.412.811.860.000	-	-	-	-	-	-	-	6.412.811.860.000
Nhận bàn giao từ Tổng Công ty Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	23.157.850.230	23.157.850.230
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-	2.174.670.549	-	-	-	-	-	2.174.670.549
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	755.572.121.903	-	755.572.121.903
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	18.351.395.595	44.817.872.266	588.382.714	(86.433.513.035)	22.675.862.460	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	(33.204.392.456)	-	-	-	-	-	-	(33.204.392.456)
Cổ tức (Thuyết minh 32)	-	-	-	-	-	-	(448.895.780.200)	-	(448.895.780.200)
Khác	-	-	-	-	-	(255.955.527)	-	-	(255.955.527)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(119.918.488)	-	(3.588.181.503)	(3.708.099.991)
Số dư	6.412.811.860.000	(33.204.392.456)	2.174.670.549	18.351.395.595	44.817.872.266	212.508.699	220.242.828.668	42.245.531.187	6.707.652.274.508

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Tiến Dũng
Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Thi
Chủ tịch HĐQT

26 tháng 6 năm 2009

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) được thành lập dưới hình thức tổng công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp ban hành ngày 6 tháng 5 năm 2003. Vào ngày 11 tháng 5 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ra quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Tổng Công ty được cấp phép theo Giấy phép kinh doanh số 4106000286 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 2004.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn được cổ phần hóa vào ngày 17 tháng 4 năm 2008 và trở thành công ty cổ phần theo quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ. Tại ngày này Tổng Công ty Cổ phần mới thành lập nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Nhà nước. Để thuận tiện, ngày 1 tháng 5 được dùng làm ngày chuyển thành Công ty Cổ phần. Theo thông tư 106/2008/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2008, công ty cổ phần phải “mở sổ kế toán mới để phản ánh giá trị tài sản và nguồn vốn nhận bàn giao”. Tổng Công ty Cổ phần đã lập bộ báo cáo tài chính hợp nhất đầu tiên này với tư cách một công ty cổ phần mới thành lập trên cơ sở các khoản đầu tư vào các công ty con được bàn giao từ Tổng Công ty Nhà nước tại ngày cổ phần hóa và không có số liệu so sánh, số liệu bảng cân đối kế toán hợp nhất đầu kì bằng không và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là cho giai đoạn 8 tháng từ ngày 1 tháng 5 năm 2008 (ngày cổ phần hóa được chọn cho thuận tiện) đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm vật liệu và bao bì
- Cung cấp dịch vụ vận tải, hậu cần và kho bãi
- Sản xuất sản phẩm cơ khí, xây dựng kết cấu thép và cung cấp dịch vụ cơ khí lắp đặt
- Xây dựng và cung cấp dịch vụ bất động sản

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

Tại Tập đoàn có 4.125 nhân viên.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31
tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất, trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận rộng rãi tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc.

(b) Năm tài chính

Kỳ tài chính đầu tiên của công ty cổ phần mới thành lập là từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Các năm tài chính tiếp theo sẽ từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc của sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư đầu tư mà tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ sau đó trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31
tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VNĐ, được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái quy định tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái quy định tại ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đã và chưa thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của các công ty con, thì được hạch toán vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng. Khi các công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu Chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Trả trước Dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(f) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá ngoại trừ một số khoản đầu tư dài hạn được đánh giá lại tại ngày 1 tháng 1 năm 2007 cho mục đích cổ phần hóa. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban lãnh đạo Tổng Công ty cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư như được xác định trong trường hợp chưa lập dự phòng.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31
tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(h) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc thành phẩm và sản phẩm dở dang bao gồm nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và các chi phí quản lý chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Trong quá trình cổ phần hóa của Tổng Công ty Nhà nước, tài sản cố định hữu hình tại ngày 1 tháng 1 năm 2007 được đánh giá lại và tài sản được đánh giá lại được phản ánh vào khoản vốn góp thu được trong kỳ. Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá hoặc giá trị đánh giá lại trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 12 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 8 năm

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31
tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Trong quá trình cổ phần hóa Tổng Công ty Nhà nước, quyền sử dụng đất tại ngày 1 tháng 1 năm 2007 đã được đánh giá lại.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được phản ánh theo nguyên giá hoặc giá trị đánh giá lại và quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng xác định được phản ánh theo nguyên giá hoặc giá trị đánh giá lại trừ đi phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan để có được quyền sử dụng đất. Phần quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng xác định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 43 năm.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(k) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và bất kỳ chi phí phân bổ trực tiếp liên quan đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động hiện tại cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư là 50 năm.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31
tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

(l) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh nguyên giá của các công trình xây dựng hoặc máy móc chưa được hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng hoặc lắp đặt.

(m) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì sử dụng nhiều lần

Bao bì sử dụng nhiều lần bao gồm bao gồm chai, két và thùng. Chi phí sử dụng chai két được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.

(ii) Lợi thế thương mại phát sinh do cổ phần hóa

Lợi thế thương mại phát sinh do cổ phần hoá thể hiện giá trị lợi thế kinh doanh được tự tạo ra bởi Tổng Công ty Nhà nước từ ngày thành lập đến ngày định giá Tổng Công ty Nhà nước. Lợi thế thương mại được xác định trong quá trình định giá Tổng Công ty Nhà nước theo Thông tư số 126/2004/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 12 năm 2004. Lợi thế thương mại phát sinh do cổ phần hóa được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm kể từ ngày cổ phần hóa.

(iii) Tài sản chờ mang đi đầu tư

Tài sản chờ mang đi đầu tư phản ánh giá trị đất chờ bàn giao như là một khoản vốn đầu tư của Tập đoàn vào các công ty khác.

(n) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, công nợ và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31
tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

Tại ngày cổ phần hoá, Tổng Công ty Cổ phần nhận bàn giao các khoản đầu tư vào các công ty con từ Tổng Công ty Nhà nước theo giá gốc hoặc giá trị đánh giá lại vào ngày 1 tháng 1 năm 2007 trong quá trình cổ phần hóa. Khoản chênh lệch mà giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty con nhận bàn giao vượt hơn lợi ích của Tập đoàn trong giá trị tài sản ròng của các công ty con tại ngày cổ phần hóa được ghi nhận trong giá trị lợi thế thương mại. Khoản chênh lệch mà lợi ích của Tập đoàn trong giá trị tài sản ròng của các công ty con tại ngày cổ phần hóa vượt hơn giá trị các khoản đầu tư vào công ty con nhận bàn giao (giá trị lợi thế thương mại âm) được ghi nhận trực tiếp vào lãi lỗ trong kỳ.

(o) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(p) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới mà có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Tổng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế hoãn lại chỉ được ghi nhận trong trường hợp chắc chắn rằng lợi nhuận chịu thuế trong tương lai có thể cần trừ vào tài sản thuế. Tài sản thuế hoãn lại được ghi giảm trong trường hợp không còn chắc chắn rằng các lợi ích về thuế này sẽ được thực hiện.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31
tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

(r) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu bao gồm quỹ đầu tư và phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và quỹ khen thưởng phúc lợi. Các quỹ này được trích lập từ lợi nhuận giữ lại mỗi năm căn cứ vào tỉ lệ phần trăm do các cổ đông quyết định tại đại hội cổ đông hàng năm. Quỹ được sử dụng cho mục đích được chỉ định bởi cổ đông.

(s) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

(iii) Thu nhập tiền lãi

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh.

(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích xây dựng tài sản cố định hữu hình thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng được vốn hóa như một phần của nguyên giá của tài sản cố định liên quan.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31
tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

(v) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cho ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

(w) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	2008 VNĐ
Tiền mặt	28.273.050.337
Tiền gửi ngân hàng	1.515.293.133.164
Tương đương tiền	243.766.867.661
	<hr/>
	1.787.333.051.162
	<hr/>

Tiền và tương đương tiền tại có bao gồm số ngoại tệ khác VNĐ tương đương 11.035 triệu VNĐ.

4. Đầu tư ngắn hạn

	2008 VNĐ
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	468.870.147.067
Cho các công ty liên kết vay	40.000.000.000
	<hr/>
	508.870.147.067
	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31
tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	2008 VNĐ
Phải thu từ các công ty liên kết	
Thương mại	221.517.289.889
Phi thương mại	20.989.089.678
	<hr/>
	242.506.379.567
	<hr/> <hr/>

Các khoản phi thương mại phải thu từ các công ty liên kết không được bảo đảm và không chịu lãi suất.

6. Trả trước cho người bán

Trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 bao gồm khoản trả trước cho việc mua tài sản cố định là 488.179 triệu VNĐ.

7. Hàng tồn kho

	2008 VNĐ
Hàng mua đang đi đường	129.993.915.367
Nguyên vật liệu	350.472.351.222
Công cụ và dụng cụ	54.000.979.402
Sản phẩm dở dang	135.875.260.086
Thành phẩm	285.301.058.424
Hàng đang chuyển	26.039.241.777
	<hr/>
	981.682.806.278
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.153.631.012)
	<hr/>
	980.529.175.266
	<hr/> <hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31
tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

8. Tài sản ngắn hạn khác

	2008 VNĐ
Tạm ứng	6.247.091.383
Ký quỹ tại ngân hàng cho khoản thanh toán bằng thư tín dụng	82.952.275.532
Khác	688.013.385
	<hr/>
	89.887.380.300
	<hr/>

9. Tài sản cố định hữu hình

	2008 VNĐ
Nguyên giá	
Nhà cửa, vật kiến trúc	653.202.522.822
Máy móc và thiết bị	3.087.359.464.558
Thiết bị văn phòng	54.796.774.426
Phương tiện vận chuyển	72.014.259.548
	<hr/>
	3.867.373.021.354
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Nhà cửa, vật kiến trúc	130.107.932.395
Máy móc và thiết bị	946.388.479.964
Thiết bị văn phòng	20.237.086.209
Phương tiện vận chuyển	29.290.990.713
	<hr/>
	1.126.024.489.281
	<hr/>
Giá trị còn lại	2.741.348.532.073
	<hr/>

Tại trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 436.334 triệu VNĐ đã được đem thế chấp với ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31
tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

10. Tài sản cố định vô hình

	2008 VNĐ
Nguyên giá	
Quyền sử dụng đất	2.051.418.736.424
Phần mềm vi tính	22.958.386.876
	<hr/>
	2.074.377.123.300
 Giá trị hao mòn lũy kế	
Quyền sử dụng đất	18.978.800.058
Phần mềm vi tính	7.547.421.671
	<hr/>
	26.526.221.729
	<hr/>
 Giá trị còn lại	 2.047.850.901.571
	<hr/>

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2008 VNĐ
Dự án bồn lên men	43.175.317.295
Nhà máy Củ Chi	14.791.720.110
Nhà máy Cần Thơ	2.656.904.567
Nhà kho xây dựng dở dang	6.522.058.909
Quyền sử dụng đất	23.278.597.500
Dự án xử lý nước	4.363.165.857
Dự án đầu tư đổi mới công nghệ tại KCN Tân Đông Hiệp B	8.607.580.380
Khác	25.822.111.181
	<hr/>
	129.217.455.799
	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31
tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

12. Đầu tư dài hạn

	2008 VNĐ
Đầu tư vào công ty liên kết	1.056.266.725.774
Đầu tư dài hạn khác	
▪ cổ phiếu	886.092.548.222
▪ trái phiếu	281.178.016.000
▪ các khoản cho vay	108.105.426.250
	<hr/>
	2.331.642.716.246
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(55.970.281.867)
	<hr/>
	<u>2.275.672.434.379</u>

Dưới đây là danh sách các công ty liên kết của Tập đoàn, tính đến 31 tháng 12 năm 2008:

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% sở hữu	2008 VNĐ
Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Nam	Xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện	Số 4103002486 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 7 năm 2004, được điều chỉnh vào ngày 23 tháng 6 năm 2006	27%	167.156.064.802
Công ty Cổ phần kinh doanh LTTP SABECO	Sản xuất sản phẩm nông nghiệp, thực phẩm	Số 4103005918 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 1 năm 2007, được điều chỉnh vào ngày 13 tháng 11 năm 2007	28%	2.266.541.426
Công ty Cổ phần du lịch Sài Gòn – Đông Hà	Cung cấp dịch vụ khách sạn, nhà hàng thực phẩm, bia	Số 3003000121 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị cấp ngày 20 tháng 4 năm 2007	20%	5.600.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Lý	Sản xuất bia, nước khoáng, dịch vụ khách sạn và vận chuyển	Số 0603000158 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp ngày 5 tháng 6 năm 2007	23%	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải và giao nhận Bia Sài Gòn	Kinh doanh vận chuyển	Số 4103003988 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 10 năm 2005	25%	32.976.695.684
Công ty Cổ phần Bao bì Kho Bãi Bình Tây	Sản xuất hộp, thùng bằng carton, nhựa và kim loại	Số 41030002264 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 4 năm 2004	20%	1.579.716.159
Công ty Cổ phần Nước khoáng Dakai	Sản xuất, kinh doanh nước khoáng và nước giải khát	Số 4103004722 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 5 năm 2006	36%	708.786.446

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% sở hữu	2008 VNĐ
Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ Thành Nam	Tư vấn xây dựng, thiết kế	Số 4103004418 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 3 năm 2006	23%	325.856.916
Công ty Cổ phần đầu tư và kinh doanh Hạ Tầng KCN SABECO	Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng, nhà cửa và khu công nghiệp	Số 4103004921 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 6 năm 2006	28%	8.941.723.345
Công ty Cổ phần Bao bì Sabeco Sông Lam	Sản xuất hộp, chai, ly và giấy	Số 2703009091 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 4 tháng 1 năm 2007, được điều chỉnh vào ngày 7 tháng 3 năm 2007	22%	35.709.517.219
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	Số 1803000511 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp ngày 30 tháng 5 năm 2007	23%	30.460.948.867
Công ty Cổ phần Cơ Khí và Xây lắp công nghiệp	Sản xuất, lắp đặt các sản phẩm máy móc, cầu đường và xây dựng công nghiệp	Số 3503000122 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 1 năm 2006	26%	9.327.940.457
Công ty Cổ phần Bao Bì Bia Sài Gòn (SABEPA JSC)	Sản xuất đồ hộp, thùng giấy, nhựa và kim loại	Số 41030006949 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 6 năm 2007	20%	4.745.352.277

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% sở hữu	2008 VNĐ
Quỹ thành viên Sabeco 1	Đầu tư chứng khoán	Số 102/TB-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 12 tháng 3 năm 2008	43%	165.016.919.579
Công ty Quản lý Quỹ Sabeco	Thành lập và quản lý các công ty quỹ/công ty chứng khoán và các danh mục quản lý	Số 22/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Bộ Tài chính cấp ngày 16 tháng 11 năm 2007	20%	5.671.290.480
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung	Sản xuất thực phẩm và nước giải khát	Số 4104005184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 6 năm 2008	33%	120.617.768.618
Công ty TNHH Sản xuất rượu và cồn Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh rượu	Số 1049/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 19 tháng 11 năm 1994, được điều chỉnh vào ngày 29 tháng 11 năm 2006	45%	13.102.803.450
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	Sản xuất các sản phẩm thủy tinh	Số 701/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 26 tháng 10 năm 1993, được điều chỉnh vào ngày 20 tháng 8 năm 2003	30%	97.827.057.600
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Đồng Nai	Sản xuất và kinh doanh rượu, bia, nước giải khát. Kinh doanh dịch vụ ăn uống. Sản xuất và mua bán các sản phẩm nông nghiệp liên quan đến nguyên vật liệu sản xuất bia rượu	Số 4703000292 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 12 năm 2005, điều chỉnh lần đầu ngày 8 tháng 6 năm 2007.	15%	5.777.154.606
Công ty Nước Giải khát Bia Sài Gòn – Tây Đô	Sản xuất và kinh doanh rượu, bia, nước giải khát, sữa đậu nành, nước ép trái cây	Số 5703000229 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 21 tháng 9 năm 2009, điều chỉnh lần đầu vào ngày 11 tháng 4 năm 2007	24%	22.408.630.357

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% sở hữu	2008 VND
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	Sản xuất hộp, lon nhôm	Số 759/GP do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 1993, được điều chỉnh vào ngày 3 tháng 11 năm 2000	30%	148.751.925.643
Công ty TNHH bao bì San Miguel Phú Thọ	Sản xuất và bán các sản phẩm bao bì đóng gói bằng kim loại	Số 1504/GP do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 23 tháng 5 năm 1996, được điều chỉnh vào ngày 1 tháng 3 năm 2006	35%	25.025.392.487
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	Cho thuê và quản lý cao ốc văn phòng	Số 1132/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 14 tháng 2 năm 1995, được điều chỉnh ngày 1 tháng 3 năm 1996, ngày 27 tháng 4 năm 1998, ngày 4 tháng 10 năm 2001 và ngày 23 tháng 3 năm 2005	25%	37.564.212.750
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây	Sản xuất, gia công và kinh doanh thực phẩm, nước giải khát, bia và nước uống có cồn, sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng dân dụng và công nghiệp	Số 4103004075 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 10 năm 2005, được điều chỉnh lần thứ ba vào ngày 20 tháng 11 năm 2007	14%	103.704.426.606
				1.056.266.725.774

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31
tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

13. Chi phí trả trước dài hạn

	2008 VNĐ
Bao bì sử dụng nhiều lần	408.266.546.387
Chi phí thuê đất trả trước	5.401.357.729
Chi phí thuê nhà kho trả trước	13.122.847.090
Chi phí hoãn lại	11.060.640.616
Lợi thế thương mại phát sinh do cổ phần hóa	442.628.231.132
Chi phí trả trước dài hạn khác	67.261.308.339
	<hr/>
	947.740.931.293
	<hr/> <hr/>

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	2008 VNĐ
Lợi nhuận chưa thực hiện	9.505.750.923
Các khoản dự phòng	2.205.416.773
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.360.186.866
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	2.454.458.287
	<hr/>
	16.525.812.849
	<hr/> <hr/>

15. Lợi thế thương mại

	2008 VNĐ
Lợi thế thương mại phát sinh khi nhận bàn giao đầu tư vào các công ty con	167.626.763.124
Phân bổ trong kỳ	(11.175.117.542)
	<hr/>
	156.451.645.582
	<hr/> <hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31
tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

16. Vay và nợ ngắn hạn

	2008 VNĐ
Vay và nợ ngắn hạn từ:	
(a) NH Công Thương – Chi nhánh Cần Thơ	4.308.602.890
(b) NH Đầu Tư và Phát Triển – Chi nhánh Sóc Trăng	2.000.000.000
(c) Công ty Quản lý quỹ Sabeco	5.000.000.000
(d) NH Ngoại Thương – Chi nhánh Vinh	7.000.000.000
(e) NH Công Thương – Chi nhánh Khu Công nghiệp Quang Minh	12.093.404.814
(f) NH Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Thanh Ba	2.457.702.747
(g) Vay từ các cá nhân	27.651.447.343
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21)	45.975.134.472
	106.486.292.266
	106.486.292.266

- a. Khoản vay này được bảo đảm bởi tài sản cố định với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 102.000 triệu VNĐ. Khoản vay này chịu lãi suất năm là 11% trong kỳ sáu tháng bắt đầu từ ngày 18 tháng 12 năm 2008.
- b. Khoản vay không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất năm 10%.
- c. Khoản vay này được bảo đảm bằng 7.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây (công ty con của Tổng Công ty) và chịu lãi suất năm là 15%.
- d. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất năm là 11,5%.
- e. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 39.713 triệu VNĐ. Tài sản này cũng được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 21). Khoản vay này chịu lãi suất năm là 12,6%
- f. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 11.000 triệu VNĐ. Khoản vay này chịu lãi suất tháng là 1,75%.
- g. Khoản vay bao gồm nhiều khoản vay tín chấp từ các cá nhân và chịu lãi suất tháng từ 0,75% đến 0,88%.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31
tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

17. Phải trả thương mại

Phải trả thương mại bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan sau:

	2008 VNĐ
Phải trả các công ty liên kết	235.496.628.498

Các khoản phải trả cho các công ty liên kết không được bảo đảm, không chịu lãi suất và được trả theo yêu cầu.

18. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	2008 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	67.816.140.895
Thuế thu nhập cá nhân	6.957.101.559
Thuế tiêu thụ đặc biệt	396.952.192.028
Thuế đất	8.065.213.325
Thuế thu nhập doanh nghiệp	81.551.496.391
Thuế nhập khẩu	397.717.375
Phí, thuế và nghĩa vụ khác	3.829.523.584
	<hr/> 565.569.385.157 <hr/> <hr/>

19. Chi phí phải trả

	2008 VNĐ
Chi phí phải trả để mua hàng hóa, tài sản cố định, và xây dựng cơ bản dở dang	327.417.802.362
Chi phí phải trả cho hoạt động khuyến mãi	8.872.516.913
Chi phí phải trả cho dịch vụ vận chuyển và bốc dỡ hàng hóa	11.051.095.860
Khác	19.173.708.424
	<hr/> 366.515.123.559 <hr/> <hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31
tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

20. Phải trả khác

	2008 VNĐ
Kinh phí Công đoàn	2.390.279.440
Phải trả Nhà nước về cổ phần hóa	1.241.294.377.915
Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá tăng quyền sử dụng đất	1.492.547.178.700
Ký quỹ ngắn hạn	27.663.795.708
Phải trả cổ tức cho cổ đông Nhà nước	402.163.393.800
Khác	66.352.296.021
	<hr/>
	3.232.411.321.584
	<hr/> <hr/>

Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan sau:

	2008 VNĐ
Phải trả các công ty liên kết	1.161.025.847
	<hr/>

21. Phải trả dài hạn khác

	2008 VNĐ
Tiền thuê đất phải trả	51.602.316.000
Đặt cọc dài hạn của khách hàng đối với bao bì sử dụng nhiều lần	42.482.476.493
	<hr/>
	94.084.792.493
	<hr/> <hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31
tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

22. Nợ dài hạn

	2008 VNĐ'000
Nợ dài hạn từ:	
(a) NH Công Thương Chi nhánh Khu Công nghiệp Quang Minh	12.926.903.600
(b) NH Ngoại Thương Chi nhánh Vinh	8.687.319.093
(c) NH Kỹ Thương Chi nhánh Hà Nội	346.951.344.718
	<hr/>
	368.565.567.411
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(45.975.134.472)
	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	322.590.432.939
	<hr/> <hr/>

- (a) Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 39.713 triệu VNĐ. Tài sản này cũng được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn. Khoản vay này chịu lãi suất tháng là 1,75%. Dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 sẽ đáo hạn tại ngày 11 tháng 9 năm 2012.
- (b) Khoản vay này là khoản vay tín chấp và chịu lãi suất năm là 11,64%. Dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 được hoàn trả đều nhau trong 12 quý trong 3 năm từ 2009 đến 2011.
- (c) Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định có giá trị sổ sách tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 283.634 triệu VNĐ. Khoản vay này chịu lãi suất trung bình là 17% một năm. Dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 hoàn trả trong 8 đợt 6 tháng, từ ngày 5 tháng 12 năm 2009 đến ngày 5 tháng 12 năm 2014.

23. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ (hiện tại là 540.000 VNĐ/tháng). Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31
tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

24. Vốn cổ phần

Vào ngày 17 tháng 4 năm 2008 Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và phát hành 641.281.186 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VNĐ. Nhà nước bán ra công chúng 66.762.052 cổ phiếu vào ngày này.

Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông Công ty. Các cổ đông phổ thông được quyền nhận cổ tức mà Tập đoàn công bố vào từng thời điểm. Các cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tập đoàn mua lại đều tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành trở lại.

Các cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là:

	2008 Số cổ phiếu
Bộ Công Thương	574.519.134
Các cổ đông khác	66.762.052
	<hr/>
	641.281.186
	<hr/>

25. Lợi ích cổ đông thiểu số

	2008 VND
Lợi ích cổ đông thiểu số của Tổng Công ty Nhà nước cũ	759.178.407.454
Lãi thuần thuộc về lợi ích cổ đông thiểu số trong kỳ	103.621.589.733
Góp vốn trong kỳ	399.533.325.314
Cổ tức	(23.916.054.697)
Phân bổ và sử dụng các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu do cổ đông thiểu số chịu	3.770.778.075
Lợi ích thiểu số được mua lại	(265.782.881.350)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	976.405.164.529
	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31
tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

26. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn từ 1/5/08 đến 31/12/08 VNĐ
Tổng doanh thu	
▪ Bán hàng	9.065.490.623.812
Các khoản giảm trừ doanh thu	
▪ Hàng bán bị trả lại	(2.116.534.540)
▪ Thuế tiêu thụ đặc biệt	(1.898.298.352.100)
	<hr/>
Doanh thu thuần	7.165.075.737.172
	<hr/> <hr/>

27. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn từ 1/5/08 đến 31/12/08 VNĐ
Thành phẩm đã bán	3.557.029.803.512
Hàng hóa đã bán	2.186.181.524.830
Phí vận chuyển	39.795.358.033
Phí dịch vụ	48.045.169.612
Khác	1.503.061.958
	<hr/>
	5.832.554.917.945
	<hr/> <hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31
tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn từ 1/5/08 đến 31/12/08 VNĐ
Lãi tiền gửi ngân hàng	140.643.820.570
Lãi trái phiếu	28.178.405.785
Cổ tức được chia	76.497.133.316
Lãi chênh lệch tỷ giá	26.457.510.295
Khác	4.257.591.700
	<hr/>
	276.034.461.666
	<hr/>

29. Chi phí hoạt động tài chính

	Giai đoạn từ 1/5/08 đến 31/12/08 VNĐ
Chi phí lãi vay phải trả cho ngân hàng	11.203.743.948
Lỗ do chênh lệch tỷ giá	42.522.368.729
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	55.970.281.867
Chi phí tài chính khác	4.585.817.850
	<hr/>
	114.282.212.394
	<hr/>

30. Thu nhập khác

	Giai đoạn từ 1/5/08 đến 31/12/08 VNĐ
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	11.743.113.828
Tiền bồi thường nhận được	6.937.587.330
Lợi thế thương mại âm khi nhận bàn giao các khoản đầu tư và mua lại lợi ích cổ đông thiểu số	65.545.608.237
Khác	32.377.163.924
	<hr/>
	116.603.473.319
	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31
tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

31. Chi phí khác

	Giai đoạn từ 1/5/08 đến 31/12/08 VNĐ
Giá trị còn lại của tài sản cố định đem thanh lý	5.736.866.063
Chi phí hao bể chai kết	50.156.162.108
Phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh	11.175.117.542
Chi phí khác	20.411.212.523
	<hr/>
	87.479.358.236
	<hr/> <hr/>

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp từ 15% đến 28% trên lợi nhuận chịu thuế, trừ lợi nhuận chịu thuế phát sinh từ nhà máy Củ Chi trực thuộc Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm bắt đầu từ năm đầu tiên có doanh thu và được giảm 50% thuế thu nhập trong năm năm tiếp theo.

Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC (“Thông tư 03”) do Bộ Tài chính cấp ngày 13 tháng 1 năm 2009, nhiều hoạt động kinh doanh của các công ty con của Tập đoàn thỏa mãn được tiêu chí xác định Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ (“SME”) và do đó các công ty con này được giảm 30% chi phí thuế thu nhập hiện hành cho quý bốn năm 2008 và toàn năm 2009. Khoản giảm trừ thuế thu nhập cho quý bốn năm 2008 được tính dựa trên lợi nhuận chịu thuế cho quý bốn năm 2008 hay dựa trên một phần tư lợi nhuận chịu thuế trong năm theo các chỉ dẫn của Thông tư 03.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, thuế suất thuế thu nhập của các đơn vị chịu thuế suất 28% giảm từ 28% xuống 25% do thay đổi trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31
tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 được dựa trên số lợi nhuận thuần sau thuế thuộc về các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Giai đoạn từ 1/5/08 đến 31/12/08 VNĐ
Lợi nhuận thuần đầu kỳ	755.572.121.903
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	755.572.121.903

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông

	2008 Số lượng cổ phiếu phổ thông
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong kỳ	641.281.186
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	641.281.186

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

34. Cổ tức

Vào ngày 12 tháng 12 năm 2008, Ban lãnh đạo Công ty quyết định công bố cổ tức 448.895 triệu VNĐ (700 VNĐ trên mỗi cổ phiếu). Cổ tức đã được thanh toán cho các cổ đông không phải Nhà nước vào ngày 25 tháng 12 năm 2008. Cổ tức phải trả cho Nhà nước là 402.163 triệu được trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2008.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31
tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Xác định các bên liên quan

Công ty kiểm soát quan hệ với bên liên quan đối với các công ty con như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Đầu tư	% quyền sở hữu
Các công ty con			
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây	Sản xuất và kinh doanh bia	Số 5703000144 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 13 tháng 4 năm 2005, điều chỉnh ngày 6 tháng 6 năm 2006 và ngày 30 tháng 5 năm 2007	51%
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương	Sản xuất và kinh doanh nước giải khát, thực phẩm đóng hộp và phụ liệu, đầu tư bất động sản	Số 4103002362 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 6 năm 2004, được điều chỉnh vào ngày 26 tháng 12 năm 2005	51%
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi	Sản xuất và kinh doanh bia	Số 3403000072 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 10 tháng 1 năm 2008	51%
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nam	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát	Số 0603000153 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp ngày 11 tháng 4 năm 2007	51%
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Vĩnh Long	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát	Số 5403000048 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 29 tháng 3 năm 2007	51%
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Sản xuất và kinh doanh bia, nước giải khát và nước uống có cồn	Số 4103003919 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 10 năm 2005, được điều chỉnh ngày 21 tháng 5 năm 2007	51%
Công ty Cổ phần Bia Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân	Sản xuất bia và nước giải khát có gas, vận chuyển	Số 1803000486 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp ngày 22 tháng 3 năm 2007	51%
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh	Sản xuất và kinh doanh nước giải khát, đồ hộp và phụ liệu	Số 2703001006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 25 tháng 9 năm 2006	51%

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31
tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Đầu tư	% quyền sở hữu
Công ty Cổ phần Sài Gòn Bia Sài Gòn – Sông Lam	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	Số 2703001077 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006, được điều chỉnh ngày 7 tháng 1 năm 2008	51%
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát, xuất và nhập khẩu các nguyên vật liệu liên quan	Số 0103018367 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 7 năm 2007, được điều chỉnh đầu tiên vào ngày 26 tháng 12 năm 2008	51%
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại SA BE CO (SATRACO)	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	Số 4104000153 do Bộ Công nghiệp cấp ngày 11 tháng 1 năm 2006, được điều chỉnh gần nhất vào ngày 18 tháng 6 năm 2008	100%
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí SABECO (MESAB CO., Ltd)	Chế tạo máy móc dùng sản xuất thực phẩm, lắp đặt và bảo trì hệ thống điện	Số 4104005184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 6 năm 2008	100%
Các công ty con được sở hữu gián tiếp thông qua SATRACO			
Công ty Cổ phần Thương mại SABECO Miền Bắc	Kinh doanh rượu, bia, nước giải khát; kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không bao gồm quán bar, karaoke, vũ trường); vận tải và cho thuê nhà kho	Số 0103012107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 8 tháng 5 năm 2006 và được điều chỉnh lần cuối cùng vào ngày 1 tháng 9 năm 2008	90%
Công ty Cổ phần Thương mại SABECO Bắc Trung Bộ	Kinh doanh rượu, bia, nước giải khát; kinh doanh nhà hàng, khách sạn, nhà kho và vận tải	Số 2703000851 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 20 tháng 3 năm 2006 và được điều chỉnh lần cuối cùng vào ngày 31 tháng 12 năm 2008	90%

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31
tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Đầu tư	% quyền sở hữu
Công ty Cổ phần Thương mại SABECO Miền Trung	Kinh doanh rượu, bia, nước giải khát; kinh doanh nhà hàng, khách sạn, nhà kho; kinh doanh dịch vụ vận tải bằng ô tô	Số 3403000078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 16 tháng 3 năm 2006 và được điều chỉnh lần cuối cùng vào ngày 25 tháng 8 năm 2008	90%
Công ty Cổ phần Thương mại SABECO – Tây Nguyên	Kinh doanh rượu, bia, nước giải khát; kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, nhà kho và vận tải	Số 40.03.000082 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đăklăk cấp ngày 21 tháng 3 năm 2006 và được điều chỉnh lần cuối cùng vào ngày 7 tháng 8 năm 2008	90%
Công ty Cổ phần Thương mại SABECO Nam Trung Bộ	Kinh doanh rượu, bia, nước giải khát; kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn; vận tải và cho thuê nhà kho	Số 3703000191 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp vào ngày 17 tháng 3 năm 2006 và được điều chỉnh lần cuối cùng vào ngày 14 tháng 8 năm 2008	90%
Công ty Cổ phần Thương mại SABECO Miền Đông	Kinh doanh rượu, bia, nước giải khát; kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn; vận tải đường bộ; cho thuê nhà kho	Số 4603000217 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 17 tháng 3 năm 2006 và được điều chỉnh lần cuối cùng vào ngày 12 tháng 8 năm 2008	90%
Công ty Cổ phần Thương mại SABECO – Sông Tiền	Kinh doanh rượu, bia, nước giải khát; kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn; cho thuê nhà kho và vận tải đường bộ	Số 54.0.3.000030 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 17 tháng 3 năm 2006 và được điều chỉnh lần cuối cùng vào ngày 19 tháng 8 năm 2008	90%

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31
tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Đầu tư	% quyền sở hữu
Công ty Cổ phần Thương mại SABECO – Sông Hậu	Kinh doanh rượu, bia, nước giải khát (rượu trên 30 độ, có giấy chứng nhận do Phòng Công nghiệp và Thương mại cấp); kinh doanh nhà hàng, khách sạn; vận tải đường thủy và đường bộ	Số 5703000187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp ngày 18 tháng 3 năm 2006 và được điều chỉnh lần cuối cùng vào ngày 12 tháng 8 năm 2008	90%
Công ty Cổ phần Thương mại SABECO – Trung tâm	Kinh doanh nước uống có cồn và không có cồn (ngoại trừ cung cấp dịch vụ thực phẩm); kinh doanh các loại hóa chất khác: cồn, kinh doanh dịch vụ đóng gói; kinh doanh vận tải bằng ô tô; kinh doanh nhà hàng, khách sạn (khách sạn phải đáp ứng được tiêu chuẩn sao và không cung cấp các dịch vụ nhà hàng và khách sạn tại trụ sở chính); tổ chức và khuyến mãi thương mại	Số 4103010567 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và ngày 10 tháng 6 năm 2008.	90%

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt của Ban lãnh đạo

Tổng chi phí lương và thưởng cho nhân sự chủ chốt của Ban lãnh đạo như sau:

	2008 VNĐ
Hội đồng Quản trị	2.800.830.000
Ban Kiểm soát	704.935.307
Ban Giám đốc	1.829.450.000
	<hr/>
	5.335.215.307
	<hr/> <hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 31
tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

36. Cam kết

(a) Cam kết mua

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 Công ty có các cam kết mua trị giá 705.829.291.390 VNĐ đã được duyệt và kí kết nhưng chưa được phản ánh trên bảng cân đối kế toán.

(b) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	2008 VNĐ
Trong vòng một năm	1.180.191.179
Từ hai đến năm năm	6.743.949.592
Trên năm năm	60.695.546.325
	<hr/>
	68.619.687.096
	<hr/> <hr/>

37. Số liệu so sánh

Không có số liệu so sánh vì đây là báo cáo tài chính hợp nhất đầu tiên do Công ty lập kể từ ngày chuyển thành công ty cổ phần.

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Tiến Dũng
Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Thi
Chủ tịch HĐQT

26 tháng 6 năm 2009